

SỰ BẢO ĐẢM PHÁP LÝ CHO NGƯỜI BỊ TẠM GIAM TRONG TƯ PHÁP HÌNH SỰ VIỆT NAM

NGUYỄN NGỌC KIẾN* - HUỲNH NGUYỄN BẢO DUY**

Tóm tắt: Trọng tâm của bài viết này bao gồm: (1) Phân tích quan điểm cải cách tư pháp gắn với việc bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự thông qua việc làm rõ cơ sở pháp lý của Hiến pháp và các luật chuyên ngành, cụ thể là sự bảo đảm về các quyền tố tụng và các quyền căn bản cho người bị tạm giam (NB TG) về chính trị, dân sự, quyền tự do, bí mật cá nhân cho NB TG; (2) Làm rõ một số nguyên nhân của thực trạng lạm dụng biện pháp tạm giam (BPTG) trong tư pháp hình sự ở Việt Nam; (3) Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 theo hướng bảo đảm các quyền cho NB TG.

Từ khóa: Quyền của người bị tạm giam; lạm dụng biện pháp tạm giam; tư pháp hình sự

Ngày nhận bài: 15/5/2024; **Biên tập xong:** 05/9/2024; **Duyệt đăng:** 22/10/2024

LEGAL GUARANTEE FOR DETAINEES IN VIETNAMESE CRIMINAL JUSTICE

Abstract: The main content of the article includes: (1) Analyzing the perspective of judicial reform to ensure human rights in criminal justice by clarifying legal basis of the Constitution and other laws, specifically the guarantee of procedural rights and basic rights for the detainees in political, civil, freedom and personal privacy rights for the detainees; (2) Clarifying some causes of abusing the detaining solutions in criminal justice in Vietnam; (3) Proposing solutions to improve some provisions of the 2015 Criminal Procedure Code and the 2015 Law on Enforcement of temporary custody and detention, following the guarantee of the rights for detainees.

Keywords: Rights for the detainee; the abuse of judicial solutions; criminal justice

Received: May 15th, 2024; **Editing completed:** Sep 5th, 2024; **Accepted for publication:** Oct 22th, 2024

Đặt vấn đề

Kể từ năm 2005 đến nay, Việt Nam đã tiến hành cải cách tư pháp sâu rộng, trọng tâm là chuyển nền tư pháp hình sự theo xu hướng bảo đảm quyền con người. Có thể khẳng định, về mặt lập pháp ở Việt Nam đã có sự tiến bộ vượt bậc. Đó là các chuẩn mực chung của quốc tế về các quyền căn bản của NB TG được hệ thống pháp luật tư pháp hình sự Việt Nam nội luật hóa khá đầy đủ; sự bảo đảm pháp lý về các quyền tố tụng và các quyền căn bản về chính trị, dân sự, quyền tự do, bí mật cá nhân cho NB TG trong các luật chuyên ngành; riêng lĩnh vực tố tụng hình sự (TTHS) đã xác định mục tiêu thực hiện chính sách hướng thiện, đổi mới thủ tục điều tra, xét xử và thi hành án hình sự nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém... Kể từ khi áp dụng những điểm tiến bộ của BLTTHS năm 2015 và Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Việt Nam đã giảm dần tỷ lệ tạm giam đối với người đã bị khởi tố (còn khoảng 80%/năm, trước đây luôn trên 90%/năm)¹. Tuy Việt Nam đã cố gắng giảm tỷ lệ tạm giam theo quan điểm cải cách tư pháp

nhưng tỷ lệ này vẫn còn rất cao. Nhiều trường hợp áp dụng BPTG không cần thiết hoặc tạm giam kéo dài liên tục trước giai đoạn xét xử và cả sau khi xét xử cho đến khi chuyển người đi thi hành án (thành phạm nhân). Hàng năm vẫn xảy ra nhiều trường hợp Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) các cấp từ chối phê chuẩn tạm giam, từ chối phê chuẩn bắt tạm giam của Cơ quan điều tra (CQĐT); ban hành hàng nghìn bản kiến nghị, kháng nghị và yêu cầu cơ quan chức năng khắc phục vi phạm pháp luật trong thi hành giam, giữ. Trong thi hành tạm giam, vẫn còn nhiều chế độ áp dụng chưa hợp lý, ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền của NB TG.

* Email: Kiennm@hul.edu.vn

Phó giáo sư, Tiến sĩ, Giảng viên cao cấp, Trường Đại học Luật, Đại học Huế

** Email: Huynhnguyenbaoduy@yahoo.com.vn

Thạc sĩ, Luật sư, Văn phòng Luật sư Nhân Tín, Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng

¹ Nguyễn Ngọc Kiến (2020), Bảo đảm quyền con người khi áp dụng BPTG theo quy định của BLTTHS Việt Nam năm 2015, Đề tài cấp Bộ, mã số B2019-DHH-15.

1. Sự bảo đảm của Hiến pháp Việt Nam về quyền cho người bị tạm giam

Khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố độc lập vào năm 1945, ngay trong bản Hiến pháp năm 1946 đã khẳng định danh thếp sự bảo hộ của Nhà nước về quyền bất khả xâm phạm về thân thể cho công dân, đó là “*Tư pháp chưa quyết định thì không được bắt bớ và giam cầm người công dân Việt Nam*” (Điều 11). Lúc bấy giờ, việc bắt người và tạm giam được giao cho cơ quan tư pháp quyết định là một điểm đặc biệt trong lịch sử lập pháp ở Việt Nam. Khái niệm “tư pháp” chứng tỏ rằng Hiến pháp năm 1946 phân biệt rõ quyền tư pháp tách khỏi các quyền lập pháp và hành pháp vì từ năm 1959 đến nay, quyết định việc bắt người và tạm giam không phải là cơ quan tư pháp mà giao cho CQĐT và hệ thống cơ quan VKSND quyết định. Lý do là ở Việt Nam, Tòa án không phải là cơ quan tư pháp và hệ thống pháp luật không phân biệt rõ quyền tư pháp với quyền kiểm tra, giám sát của VKSND. Cho đến bản Hiến pháp năm 2013, Việt Nam mới xác lập trở lại quyền tư pháp cho Tòa án. Việc này tuy muộn nhưng lại được xã hội ghi nhận là điểm mới, có tính đột phá về mặt lập pháp². Trong suốt một thời gian dài ở Việt Nam, về mặt tổ chức bộ máy nhà nước, quyền tư pháp không được phân biệt. Có lẽ nguyên nhân cơ bản nhất là sự ảnh hưởng đặc biệt lớn từ chức năng của VKSND theo mô hình pháp luật Xô Viết từ Liên Xô cũ, nay là Liên bang Nga³. Điều 68 Hiến pháp năm 1946 còn quy định ngắn gọn “*Cấm không được tra tấn, đánh đập, ngược đãi những bị cáo và tù nhân*”. Hiến pháp năm 1946 chỉ quy định 02 điều luật nhưng thể hiện được thái độ, trách nhiệm tôn trọng quyền con người. Nhà nước bảo hộ công dân về thân thể, uy tín, danh dự; cấm tra tấn, bức cung, ngược đãi người bị bắt, bị tạm giam và tù nhân. Có thể thấy, bản Hiến pháp năm 1946 ra đời trong bối cảnh Việt Nam tuyên bố độc lập đã quan tâm đến bảo đảm quyền con người, bảo hộ công dân, thể hiện được khát vọng hiện

thực hóa chống tra tấn, đánh đập, ngược đãi NBTG và tù nhân. Về sau, mục tiêu, lý tưởng tốt đẹp đó được ghi nhận trong Công ước Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm năm 1984, được Việt Nam phê chuẩn vào năm 2015. Như vậy, bản Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam có giá trị đặc biệt, mang ý nghĩa sâu sắc của thời đại trong việc bảo vệ quyền con người của đối tượng bị giam, giữ và tù nhân. Ngày nay, trong các hoạt động TTTHS ở Việt Nam và trong pháp luật quốc gia đã được kế thừa tinh thần từ bản Hiến pháp ấy.

Hiến pháp năm 1959 đã chuyển chủ thể có thẩm quyền bắt, tạm giam từ “cơ quan tư pháp” theo cách gọi của Hiến pháp năm 1946 sang VKSND và Tòa án nhân dân (TAND) nhằm phù hợp với cơ cấu, tổ chức mới của bộ máy Nhà nước. Điều 27 Hiến pháp năm 1959 quy định “*Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được bảo đảm. Không ai có thể bị bắt nếu không có sự quyết định của TAND hoặc sự phê chuẩn của VKSND*”. Quy định này có thể hiểu là không ai có thể bị bắt, đồng nghĩa với bị tạm giam nếu không có sự quyết định của TAND hoặc VKSND. Như vậy, trong thời kỳ này, việc bảo đảm quyền con người thông qua quy định của Hiến pháp về việc cấm bắt người trái pháp luật là vô cùng quan trọng. Lúc bấy giờ, Hiến pháp Việt Nam chưa đặt ra trách nhiệm cụ thể đối với cơ quan nhà nước phải tuân theo trình tự pháp luật và các quyền căn bản của người bị bắt, bị giam, giữ chưa được đề cập cụ thể.

Hiến pháp năm 1980 kế thừa các bản Hiến pháp trước về quyền an toàn tính mạng, thân thể của công dân được Nhà nước bảo hộ và có bước phát triển mới khi quy định cụ thể: Việc bắt và giam giữ người phải tuân thủ pháp luật, nhằm tránh tùy tiện và nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình. Trên thực tế, trong hoạt động giam, giữ vẫn xảy ra oan sai nhưng lại chưa được Hiến pháp quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần cho công dân. Sau nhiều năm, quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự cho NBTG oan sai được Hiến pháp năm 1992 ghi nhận, đó là một thành tựu lớn về mặt lập pháp ở Việt Nam. Hơn nữa, Hiến pháp năm 1992 còn yêu cầu phải xử lý cán bộ thực thi pháp luật gây ra oan sai trong việc bắt và giam, giữ người. Những điểm mới được bản Hiến pháp này bổ sung, khắc phục hạn chế của

² Tuy nhiên, quyền tư pháp của Tòa án mới chỉ dừng lại ở Hiến pháp mà chưa được cụ thể hóa trong các luật chuyên ngành và chưa được áp dụng trên thực tế do ở Việt Nam, hệ thống cơ quan VKSND trong bộ máy nhà nước chi phối, thực hiện nhiều quyền tư pháp thay cho hệ thống Tòa án.

³ Từ năm 1959 cho đến năm 2002, ở Việt Nam, VKSND được Hiến pháp quy định chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của toàn bộ hệ thống cơ quan trong tổ chức bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương, hệ thống cơ quan chính, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang, các tổ chức kinh tế...

Hiến pháp năm 1980, là cơ sở buộc người có thẩm quyền phải thận trọng khi áp dụng BPTG, tránh tùy tiện và tránh gây ra thiệt hại.

Quyền của NBTG tiếp tục được quan tâm, ghi nhận đầy đủ, hợp lý hơn ở Hiến pháp năm 2013. Hiến pháp xác lập mới nguyên tắc “quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng” (khoản 2 Điều 14). Như vậy ở Việt Nam, việc hạn chế quyền con người, quyền công dân chỉ trong trường hợp đặc biệt, thật sự cần thiết. Hiến pháp năm 2013 đã quy định cụ thể, chi tiết trên nhiều bình diện về bảo đảm các quyền căn bản của NBTG, gồm: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm (Điều 20); việc bắt người và tạm giam phải tuân thủ trình tự, thủ tục luật định một cách chặt chẽ, do luật định và tránh tùy tiện (Điều 20); quy định quyền khiếu nại, tố cáo của công dân nói chung, NBTG nói riêng về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động TTHS (Điều 30); quy định mới khái niệm “người bị buộc tội” nhằm hướng đến tôn trọng các quyền của người bị buộc tội và mục đích là phân biệt được các chức năng cơ bản của TTHS và tương thích với chuẩn mực chung của pháp luật nước ngoài⁴. Với mục đích tạo ra cơ chế pháp lý vững chắc cho việc bảo đảm các quyền căn bản của NBTG, Hiến pháp đã xác định mới Nguyên tắc suy đoán vô tội⁵ và Nguyên tắc Tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai. Bên cạnh đó, Hiến pháp tiếp tục khẳng định và mở rộng theo hướng cụ thể hơn các quyền cho NBTG trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại và xử lý trách nhiệm pháp lý đối với cán bộ thi hành pháp luật có vi phạm.

Với sự quyết tâm, cố gắng lớn trong hoạt động lập pháp, năm 2003, Quốc hội Việt Nam ban hành Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11

⁴ BLTTHS Việt Nam năm 2015 quy định “người bị buộc tội” gồm: Người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; trong mô hình TTHS thẩm vấn của Việt Nam - các chức năng cơ bản của TTHS (buộc tội, bào chữa và xét xử) đan xen, khó phân biệt.

⁵ Hiến pháp năm 2013 xác lập mới nguyên tắc suy đoán vô tội, sau đó được BLTTHS năm 2015 cụ thể hóa, được xem là có tính đột phá trong hoạt động lập pháp.

về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động TTHS gây ra, đề ra các nội dung cụ thể, các hành vi cụ thể trong hoạt động giam, giữ và trong các hoạt động tố tụng khác do cán bộ Nhà nước gây ra oan sai phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bị oan; sau đó ban hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Các văn bản này là những thành tựu lập pháp rất quan trọng, hiện thực hóa mục tiêu tôn trọng, bảo vệ quyền con người của người bị bắt, bị giam, giữ và phạm nhân. Các văn bản trên đã cải tạo thực tiễn, cải tạo xã hội rất tích cực, đặc biệt là sự đổi mới tư duy cho cán bộ thi hành pháp luật.

2. Sự bảo đảm về các quyền tố tụng và các quyền căn bản về chính trị, dân sự, quyền tự do, bí mật cá nhân cho người bị tạm giam

2.1. Người bị tạm giam được bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, uy tín, nhân phẩm và bảo đảm một số quyền căn bản về chính trị và dân sự theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015

Các quyền cụ thể gồm: NBTG được bảo vệ an toàn tính mạng, thân thể, tài sản, tôn trọng danh dự, nhân phẩm; được phổ biến các quyền và nghĩa vụ của mình, nội quy của cơ sở giam giữ; được thực hiện quyền bầu cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, quyền bỏ phiếu trưng cầu ý dân theo quy định của Luật Trưng cầu ý dân; được gặp thân nhân, người bào chữa, tiếp xúc lãnh sự; được hướng dẫn, giải thích và bảo đảm thực hiện quyền tự bào chữa, nhờ người bào chữa, trợ giúp pháp lý; được gặp người đại diện hợp pháp để thực hiện giao dịch dân sự; được khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật; được bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nếu bị giam, giữ trái pháp luật.

Các quyền khác được quy định và thực thi trên thực tế mang đến giá trị tiến bộ cho xã hội, đó là NBTG được lưu ký tài sản, trang sức tại nơi giam giữ, nếu cơ sở giam giữ làm mất mát, hư hỏng thì phải bồi thường; trách nhiệm đăng ký khai sinh của các cơ sở giam giữ và chính quyền địa phương; trách nhiệm của cơ sở giam giữ phải tổ chức việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em dưới 36 tháng tuổi. NBTG có con từ đủ 36 tháng tuổi trở lên thì phải gửi con về cho thân nhân nuôi dưỡng; trường hợp không có thân nhân nhận nuôi dưỡng thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ đề nghị Sở Lao động - Thương binh

và Xã hội nơi có cơ sở giam giữ chỉ định cơ sở bảo trợ xã hội tiếp nhận, nuôi dưỡng. NBTG sau khi được trả tự do được nhận lại con đang được cơ sở bảo trợ xã hội nuôi dưỡng. NBTG được hưởng chế độ khám bệnh, chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và được hưởng bảo hiểm y tế (nếu có), được điều trị bệnh tâm thần.

2.2. Sự bảo đảm về các quyền tố tụng

Các nhóm quyền của NBTG được bảo đảm, đó là:

Thứ nhất, nhóm quyền tiếp cận thông tin của NBTG: Theo quy định của BLTTHS năm 2015, NBTG được nhận các quyết định tố tụng và được biết lý do mình bị khởi tố, bị bắt và bị tạm giam; CQĐT, VKSND phải có trách nhiệm thông báo cho gia đình và chính quyền địa phương nơi người bị bắt, NBTG biết về việc bị khởi tố, bị bắt, bị tạm giam; khi áp dụng các biện pháp điều tra, NBTG được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ theo quy định BLTTHS; NBTG được đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra hoặc khi có yêu cầu. Như vậy, thủ tục tố tụng bắt buộc CQĐT phải thông tin đầy đủ lý do, căn cứ pháp lý cho cá nhân người bị bắt, bị giam, giữ và gia đình của họ, cũng như địa phương, cơ quan nơi họ công tác biết việc họ bị bắt, bị giam, giữ. Việc này có thể ảnh hưởng xấu đến danh dự, uy tín của họ bởi những thông tin của họ không được giữ bí mật. Ở nhiều quốc gia trên thế giới, ví dụ như Đức, Thẩm phán thông báo ngay cho một người thân thích của người bị bắt về việc bắt và các quyết định liên quan đến tạm giam, trên cơ sở sự tin tưởng và giới thiệu người thân cần thông báo và phù hợp với mục đích của việc điều tra (Điều 114b. Thông báo cho người thân)⁶. Thẩm phán có trách nhiệm tạo điều kiện cho người bị bắt thực hiện quyền này. Như vậy, thông báo việc bắt mang tính bắt buộc nhưng chỉ giới hạn thông báo cho một người thân của người bị bắt và trên cơ sở giới thiệu của người bị bắt. Thủ tục này không buộc nhà chức trách phải thông báo việc bắt rộng rãi cho chính quyền địa phương và nơi công tác như ở Việt Nam. Có thể thấy ở Đức, quyền về bí mật thông tin của người bị bắt, bị giam giữ như là một quyền tự do cá nhân

được bảo đảm bằng thủ tục pháp lý. Thủ tục tố tụng ở Việt Nam chưa quy định quyền cho người bị bắt được đưa ra yêu cầu bí mật thông tin khi bị bắt, bị giam, giữ và chưa quy định cơ quan chức năng phải bảo đảm quyền này.

Thứ hai, quyền được suy đoán vô tội: BLTTHS năm 2015 chưa định quyền suy đoán vô tội ở các khía cạnh: Xác định thủ tục hỏi cung bị can bắt buộc phải ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh. Đó là biện pháp hữu hiệu với sự cố gắng lớn về mặt lập pháp ở Việt Nam nhằm phòng ngừa tra tấn và hướng đến bảo đảm quyền cho NBTG. Tuy nhiên, cho đến nay, biện pháp bắt buộc ghi âm, ghi hình trong quá trình hỏi cung bị can ở nước ta chưa được áp dụng rộng rãi vì sự tốn kém về chi phí xây dựng và trang thiết bị đạt chuẩn. Đồng thời, TTHS Việt Nam vẫn chưa coi nguyên tắc suy đoán vô tội là nguyên tắc nguồn để theo đó các nguyên tắc khác phải xoay quanh nó và dựa vào nó; từ quan điểm đó thì mới hướng đến chuẩn mực là mọi thủ tục tố tụng được xác lập và áp dụng không được làm phương hại đến nguyên tắc suy đoán vô tội⁷.

2.3. Bảo đảm các chế độ cho người bị tạm giam

- *Chế độ ăn, uống, sinh hoạt và chăm sóc y tế:* Mức ăn trong một tháng của NBTG gồm: 17 kg gạo tẻ; 15 kg rau xanh; 01 kg thịt lợn; 01 kg cá; 0,5 kg đường; 0,75 lít nước mắm; 0,2 lít dầu ăn; 0,1 kg bột ngọt; 0,5 kg muối; gia vị khác tương đương 0,5 kg gạo tẻ; chất đốt tương đương 17 kg củi hoặc 15 kg than (Điều 4 Nghị định số 120/2017/NĐ-CP ngày 06/11/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 113/2021/NĐ-CP ngày 14/12/2021 của Chính phủ) để đảm bảo phục vụ ăn, uống và sinh hoạt của NBTG. Định mức ăn của NBTG ốm đau, bệnh tật, thương tích do Thủ trưởng cơ sở giam giữ quyết định theo chỉ định của cơ sở y tế điều trị, nhưng không quá 02 lần so với tiêu chuẩn ăn ngày thường. Nếu NBTG là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì được hưởng định mức ăn bằng 02 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường, được chăm sóc y tế, được hưởng chế độ ăn uống bảo đảm sức khỏe; được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh của phụ nữ giá trị tương đương

⁶ BLTTHS Cộng hòa Liên bang Đức được Lawrence Schafer và Gerhard Dannema xuất bản năm 2001.

⁷ Nguyễn Ngọc Kiên, *Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm (sách chuyên khảo)*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2017.

02 kg gạo tẻ loại trung bình/01 tháng; nếu sinh con thì được bảo đảm tiêu chuẩn, định lượng ăn theo chỉ dẫn của y sĩ hoặc bác sĩ, được cấp thực phẩm, đồ dùng, thuốc men cần thiết cho việc chăm sóc trẻ sơ sinh, được bảo đảm thời gian cho con bú trong thời gian nuôi con bằng sữa mẹ; được thanh toán viện phí và bồi dưỡng bằng hiện vật trị giá tương đương 30 kg gạo tẻ loại trung bình. Nếu là trẻ em dưới 36 tháng tuổi ở cùng mẹ trong cơ sở giam giữ được bảo đảm định lượng ăn theo quy định của Chính phủ và được hoán đổi phù hợp với nhu cầu của trẻ; được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); được bảo đảm các quyền cơ bản của trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em năm 2016... Riêng chế độ ăn đối với NBTG là người dưới 18 tuổi được tăng thêm về thịt cá.

Tác giả cho rằng, mức ăn và điện, nước sinh hoạt nêu trên của NBTG mới chỉ mang tính đảm bảo đủ no, đủ dùng và còn thấp so với nhu cầu. Định mức ăn và chất dinh dưỡng của NBTG còn thấp là do: (1) Số lượng NBTG rất lớn (từ năm 2012 đến năm 2020 có 124.589 NBTG, trong tổng số bị can bị khởi tố là 153.439 người)⁸; (2) Điều kiện kinh tế của Việt Nam còn khó khăn; (3) Ngoài định mức ăn, chất dinh dưỡng, nhà nước chu cấp, hàng tháng gia đình, người thân của NBTG được thăm nuôi, cung cấp và ký gửi thức ăn, thực phẩm hoặc ký gửi tiền để NBTG ăn uống thêm và phục vụ sinh hoạt hàng ngày. Đồng thời, chính sách pháp luật hình sự ở Việt Nam mang tính nhân đạo, quan tâm đặc biệt đến các đối tượng NBTG là người chưa thành niên và phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ,

⁸ Báo cáo số 164/BC-VKSTC ngày 28/12/2012 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2012”; Báo cáo số 171/BC-VKSTC ngày 31/12/2013 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2013”; Báo cáo số 179/BC-VKSTC ngày 31/12/2014 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2014”; Báo cáo số 229/BC-VKSTC ngày 18/12/2015 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2015”; Báo cáo số 152/BC-VKSTC ngày 27/12/2016 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2016”; Báo cáo số 139/BC-VKSTC ngày 26/12/2017 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2017”; Báo cáo số 208/BC-VKSTC ngày 28/12/2018 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2018”; Báo cáo số 238/BC-VKSTC ngày 20/12/2019 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2019”; Báo cáo số 253/BC-VKSTC ngày 31/12/2020 “Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 của ngành Kiểm sát nhân dân”.

người ốm đau, bệnh tật.

- *Về chế độ mặc và tư trang của NBTG*: NBTG được sử dụng quần, áo, chăn, chiếu, màn và các đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt của cá nhân, nếu thiếu thì cơ sở giam giữ cho mượn theo tiêu chuẩn mỗi người gồm: 01 chiếu, 01 màn cá nhân, 01 đôi dép, 02 bộ quần áo dài, 01 áo ấm mùa đông và 01 chăn (các cơ sở giam giữ từ thành phố Đà Nẵng trở vào dùng chăn sợi, từ tỉnh Thừa Thiên - Huế trở ra dùng chăn bông loại không quá 02 kg). Như vậy, pháp luật Việt Nam tạo điều kiện cho NBTG lựa chọn quần áo để mặc và các đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt cá nhân, do chính họ hoặc gia đình họ trang bị. Quy định này thể hiện sự tôn trọng quyền tự do cá nhân và nhằm tránh sự kỳ thị, phân biệt do ăn mặc gây ra.

Có ý kiến cho rằng, NBTG bị hạn chế tự do hơn so với phạm nhân, chế độ sinh hoạt, ăn, ở, học tập, giải trí bị khép kín và hạn chế tiếp cận đến các thông tin bên ngoài xã hội; không được tham gia các hoạt động giáo dục, cải tạo, không được học nghề, hay tham gia sản xuất như phạm nhân⁹. Như vậy, có thể kết luận: (1) NBTG bị hạn chế quyền tiếp cận thông tin hơn nhiều so với phạm nhân (người đang chấp hành án phạt tù trong trại giam); (2) Việc tạm giam kéo dài trong các giai đoạn tố tụng theo pháp luật Việt Nam đã ảnh hưởng đến quyền tiếp cận thông tin của NBTG. NBTG mới chỉ là người bị tình nghi, việc họ có tội hay không đang quá trình chứng minh chứ chưa phải là người có tội. Điều đó có nghĩa là trách nhiệm hình sự của họ chưa được thực hiện trong bản án của Tòa án. Do đó, lẽ ra NBTG chỉ bị hạn chế tự do, hạn chế quyền tiếp cận thông tin trong trường hợp cần thiết, còn các quyền khác gồm ăn mặc, ở, sinh hoạt, gọi điện, báo chí, truyền hình thì nên được đáp ứng đầy đủ theo nhu cầu của một người bình thường trong xã hội nhưng có sự kiểm duyệt hoặc cho bảo lãnh.

- *Chế độ văn hóa, văn nghệ và quyền tiếp cận thông tin*: Trung bình 20 NBTG hoặc dưới 20 NBTG được cấp 01 tờ báo địa phương hoặc báo Trung ương. NBTG được nghe đài phát thanh, được đọc báo. Nếu cơ sở giam giữ có điều kiện thì cho NBTG xem chương trình truyền hình. Chế độ về thông tin báo chí, truyền hình được quy định cụ thể, tuy nhiên việc bố trí ti vi cho

⁹ Phạm Xuân Minh (2019), *Bảo đảm quyền con người trong áp dụng BPTG trên địa bàn tỉnh Bình Phước*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tr. 70.

NBTG lại phụ thuộc vào điều kiện tài chính của cơ sở giam giữ. Luật chưa quy định bắt buộc các cơ sở giam giữ phải trang bị ti vi. Ở nhiều địa phương, việc thiếu ti vi trang bị cho NBTG đã ảnh hưởng đến quyền tiếp cận thông tin của họ. Dưới góc độ này, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin chính là bảo đảm quyền con người rất thiết thực bởi đời sống tinh thần của NBTG rất quan trọng. Báo chí, thông tin, truyền hình là vô cùng cần thiết đối với họ, có thể cải thiện được thái độ chống đối, không hợp tác của họ. Do đó, Nhà nước cần quan tâm đặc biệt đến vấn đề này đối với NBTG.

Điều 29 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 quy định: NBTG chỉ được gửi hoặc nhận thư, sách, báo và tài liệu khi được cơ quan đang thụ lý vụ án cho phép; thư, sách, báo và tài liệu phải được mở và dưới sự kiểm tra, kiểm duyệt của cơ sở giam giữ việc gửi hoặc nhận thư, sách, báo và tài liệu của NBTG phải được sự đồng ý của CQĐT, VKSND hoặc Tòa án (là các cơ quan đang thụ lý vụ án). Các quy định này là khắt khe, rườm rà, làm hạn chế quyền tiếp cận thông tin của NBTG. Chỉ nên quy định trách nhiệm của cơ sở giam giữ có quyền kiểm duyệt, mở xem thư, sách, báo, tài liệu trước khi NBTG được nhận hoặc gửi đi.

2.4. Một số nhận xét, đánh giá

Một là, theo các luật chuyên ngành ở Việt Nam, quyền tiếp cận thông tin của NBTG ở khía cạnh tự do cá nhân còn bị hạn chế, bao gồm việc thụ hưởng nhu cầu giải trí, nhu cầu đọc sách báo và xem truyền hình. Nguyên nhân cơ bản có lẽ là do điều kiện kinh tế còn khó khăn trong việc trang bị cơ sở vật chất, cũng như do số lượng NBTG rất đông, Nhà nước phải lo trang trải chi phí trong hoạt động tố tụng và giam, giữ.

Hai là, chế độ ăn, ở, mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân, chăm sóc y tế, sinh hoạt tinh thần, gửi, nhận thư, nhận quà, nhận sách, báo, tài liệu chỉ ở mức tối thiểu. Trong điều kiện kinh tế khó khăn, an sinh xã hội còn thấp, người thân thích của NBTG là người tàn tật, già yếu, có nhược điểm về tâm thần mà không có người chăm sóc thì cũng khó có thể được chăm sóc, bảo đảm như chính NBTG đó thực hiện cho người thân của họ. Từ đó cho thấy, nếu đã bị áp dụng BPTG thì NBTG khó tiếp cận đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, do không được tiếp cận hồ sơ vụ án nên NBTG không thể nắm bắt hết các

chứng cứ để thực hiện quyền bào chữa. Việc tạm giam kéo dài trong nhiều tháng khiến NBTG bị hạn chế tự do, khó có thể thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo và nếu có thì chứng cứ đưa ra không vững chắc. NBTG gặp bất lợi trong khi chứng minh sự vô tội của mình.

Ba là, các nguyên nhân về mặt lập pháp:

- Trong TTHS Việt Nam, Nhà nước quan tâm tăng quyền hạn cho cán bộ tư pháp với mục đích mong chờ họ bảo đảm pháp chế và bảo đảm quyền cho người bị buộc tội mà không phải là xu thế rõ ràng cho việc mở rộng các quyền cho người bị buộc tội và nạn nhân để họ tự bảo vệ mình. Sự thật vụ án được trông chờ thông qua thẩm vấn (hỏi cung), dẫn đến thực trạng tạm giam kéo dài là tất yếu.

- Chậm sửa đổi BLTTHS theo hướng giảm tạm giam: Cụ thể, BLTTHS năm 2003 được thay thế bằng BLTTHS năm 2015 (có hiệu lực ngày 01/01/2018). Khoảng 15 năm là một thời gian rất dài áp dụng chế định tạm giam có nhiều điểm bất cập, ví dụ như duy trì tỷ lệ cao NBTG trong các vụ án đã khởi tố và việc tạm giam kéo dài.

- Chế định về các biện pháp ngăn chặn (BPNC) không giam giữ quy định trong BLTTHS còn nhiều bất cập, thiếu tính khả thi như biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm. Trên thực tế, cơ quan tố tụng không coi trọng áp dụng các BPNC có tính tự do nêu trên. Bên cạnh đó, số người tạm giữ rất lớn, kéo theo áp lực cho CQĐT là chuyển từ tạm giữ sang tạm giam¹⁰. Đây cũng là nguyên nhân hạn chế về mặt lập pháp, giải thích vì sao số NBTG chiếm đa số trong số người bị khởi tố bị can.

3. Đề xuất hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 về bảo đảm quyền cho người bị tạm giam

Một là, về BLTTHS năm 2015

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 119 BLTTHS năm 2015 về căn cứ tạm giam chung và Điều 329 BLTTHS năm 2015 về căn cứ tạm giam của Hội đồng xét xử. Hai điều luật này xác định căn cứ mang tính tùy nghi là “có thể” tạm giam và “xét thấy cần tiếp tục” tạm

¹⁰ Theo thủ tục tố tụng ở Việt Nam, sau khi khởi tố bị can, nếu có căn cứ thì ra quyết định tạm giam bị can và gọi là NBTG. Trước khi khởi tố bị can, một người thường bị bắt và tạm giữ (bắt là căn cứ để tạm giữ) với thời hạn tối đa là 09 ngày (việc tạm giữ là để xác định hành vi phạm tội nhằm xem xét việc khởi tố bị can hay không).

giam. Do đó, cần bổ sung các điều kiện tạm giam cụ thể để khắc phục lạm dụng tạm giam, nhằm giảm tỷ lệ tạm giam là: Chỉ tạm giam bị can, bị cáo khi có căn cứ xác định bị can có dấu hiệu tiếp tục phạm tội; Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; Tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; Đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này; Vi phạm trong khi được bảo lãnh; Bị can, bị cáo trước đó bị truy nã; Bị cáo trốn tránh việc triệu tập; Bị cáo không có nơi cư trú rõ ràng nhưng không được bảo lãnh; Bị cáo bị tuyên án 10 năm tù có thời hạn trở lên nhưng không có bảo lãnh và không đặt tiền bảo đảm; Bị cáo ở khác tỉnh. Nhóm tác giả cho rằng, các căn cứ để được tạm giam cần liệt kê, phân hoá một số loại tội phạm bắt buộc tạm giam như tội cướp tài sản, giết người, các tội xâm phạm an ninh quốc gia, mua bán người, ma túy... mà không đánh đồng là phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng thì bị tạm giam. Đồng thời, cần bỏ dấu hiệu "bỏ trốn" để tránh việc áp dụng pháp luật tùy nghi, dẫn đến lạm dụng tạm giam. Việc xác định dấu hiệu bỏ trốn rất phức tạp, cảm tính, chủ quan và luôn có xu hướng lạm dụng bởi người phạm tội sau khi gây án thường không ở lại hiện trường. Đây là một quy luật khách quan nhưng họ dễ bị coi là bỏ trốn và bị bắt để tạm giữ, tạm giam.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 119 BLTTHS hiện hành về trường hợp bị can, bị cáo là người duy nhất đang phải nuôi, chăm sóc người thân thích của mình là người tàn tật nặng, bệnh nặng, già yếu, có nhược điểm về tâm thần nhưng họ thiếu sự chăm sóc và không thể tự mình sinh sống được thì áp dụng biện pháp ngăn chặn khác thay cho BPTG.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 125, khoản 7 Điều 173 BLTTHS năm 2015 theo hướng quy định rõ hơn trách nhiệm của cơ quan tố tụng trong việc xem xét quyết định hủy bỏ BPNC hoặc có thể thay thế bằng BPNC khác khi không còn căn cứ áp dụng. Theo đó, khoản 2 Điều 125 BLTTHS có thể được thiết kế lại như sau: "*CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án phải hủy bỏ biện pháp ngăn chặn hoặc có thể thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác khi không còn căn cứ áp dụng...*". Để khắc phục thực trạng CQĐT không đề xuất hủy bỏ tạm giam, nhóm tác giả kiến nghị sửa đổi khoản 7 Điều 173 BLTTHS năm 2015 như sau:

"Trong thời hạn tạm giam, khi không còn căn cứ tiếp tục tạm giam thì CQĐT phải kịp thời đề nghị Viện kiểm sát hủy bỏ việc tạm giam để trả tự do cho NBTG hoặc xét thấy cần thiết thì áp dụng BPNC khác".

Thứ tư, sửa đổi, bổ sung Điều 241 BLTTHS năm 2015 theo hướng quy định rõ trách nhiệm của Viện kiểm sát sau khi nhận hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra phải xem xét, kiểm tra toàn diện các căn cứ áp dụng BPTG để xác định có cần thiết tiếp tục tạm giam với bị can hay không; nếu không còn cần thiết, không có căn cứ áp dụng BPTG thì phải thay đổi, hủy bỏ kịp thời. Do đó, cần sửa đổi Điều 241 BLTTHS như sau: "*Sau khi nhận hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra, Viện kiểm sát có quyền quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của Bộ luật này. Trường hợp có bị can đang bị tạm giam, Viện kiểm sát phải xem xét, kiểm tra toàn diện các căn cứ áp dụng BPTG để áp dụng, thay đổi, hủy bỏ kịp thời".*

Thứ năm, sửa đổi Điều 278 BLTTHS năm 2015 về điều kiện áp dụng BPTG thay cho thuật ngữ "quyết định" và "nếu thấy cần tiếp tục" mang tính tùy nghi, không rõ ràng; đồng thời chuyển thẩm quyền quyết định tạm giam của Chánh án, Phó Chánh án sang cho Thẩm phán nhằm phù hợp với thực tế và khắc phục hành chính hoá hoạt động tố tụng. Điều 278 BLTTHS cần được thiết kế lại như sau: "*Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC, biện pháp cưỡng chế, sau khi xem xét đầy đủ các căn cứ, điều kiện áp dụng BPTG theo quy định của Bộ luật này. Đối với bị cáo đang bị tạm giam mà đến ngày mở phiên tòa thời hạn tạm giam đã hết, nếu có căn cứ xác định cần phải tiếp tục tạm giam để hoàn thành việc xét xử thì Hội đồng xét xử ra lệnh tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa".*

Hai là, hoàn thiện một số quy định của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 theo hướng bảo đảm quyền con người của NBTG

Thứ nhất, đề xuất bổ sung một số quyền cho NBTG tại Điều 9 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 như sau: 1) NBTG có quyền yêu cầu CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án và cơ sở giam giữ giữ bí mật thông tin bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam (không cung cấp thông tin bị bắt, bị tạm giữ, bị tạm giam) cho người thân thích của NBTG, hoặc chỉ được cung cấp thông tin trong số người thân thích, bạn bè của họ. Đây là quyền tự do cá nhân trong TTHS được tôn trọng, đề cao. Nếu người nào trong số người bị bắt, bị tạm giữ, bị tạm giam có yêu cầu bí

mật thông tin thì cơ quan tiến hành tố tụng và cơ sở giam, giữ phải đáp ứng; 2) NBTG có quyền kết hôn, quyền ly hôn, có quyền có con, sinh con trong thời kỳ tạm giam. Cơ quan chức năng phải thiết lập các thủ tục hành chính, dân sự để đáp ứng các quyền này. Đây là những quyền căn bản của quyền con người cần phải đáp ứng một cách cấp bách trong thi hành tạm giam. Với phương châm NBTG chỉ là người bị tình nghi, cần phải suy đoán vô tội, quyền nào NBTG không bị cấm thì phải đáp ứng cho họ. Đó là các quyền cao quý trong một xã hội dân sự tốt đẹp.

Thứ hai, mở rộng quyền thăm gặp thân nhân cho người bị tạm giữ, NBTG quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 nhằm thỏa mãn nhu cầu tình cảm và vật chất của họ. Điều luật này quy định NBTG chỉ được gặp thân nhân một lần trong một tháng, trường hợp tăng thêm số lần gặp hoặc người gặp không phải là thân nhân thì phải được cơ quan đang thụ lý vụ án đồng ý. Như vậy, NBTG muốn tăng số lần thăm gặp thì phải làm đơn xin được chấp nhận của CQĐT, Viện kiểm sát hoặc Tòa án. Đây là quy định không cần thiết và gây phiền hà cho NBTG. Theo tác giả, chỉ cần xuất trình các giấy tờ chứng minh là người thân thích của NBTG dưới sự kiểm duyệt của cơ sở giam giữ là được gặp, với tần suất 01 tuần một lần là hợp lý nhất. Mặt khác, Điều 22 nêu trên nên mở rộng diện được thăm gặp là bạn bè, đồng nghiệp, người quen, cơ quan, tổ chức, nơi làm việc của NBTG, chỉ cần điều kiện có đơn được xác nhận hoặc có giấy giới thiệu.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 27 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 theo hướng quy định rõ số người trong buồng tạm giam và tăng diện tích chỗ nằm nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn trong sinh hoạt và bí mật cá nhân cho NBTG, cũng như khắc phục thực trạng giam quá tải. Theo đó, quy định mới cho thấy chỗ nằm tối thiểu của người bị tạm giữ, tạm giam tối thiểu là 3m² và số người trong buồng tạm giam là không quá 04 người. Từ năm 2025 trở đi, có thể xây buồng tạm giữ, buồng tạm giam cho cá nhân (chỉ một người) và hai người. Giải pháp này có tính khả thi vì trên cơ sở giảm tải số NBTG khi hoàn thiện về mặt lập pháp về BPTG trong TTHS.

Thứ tư, sửa đổi, bổ sung chế độ mặc quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam. Theo đó, quy định rõ người bị

tạm giữ, NBTG được ăn mặc như người bình thường ngoài xã hội, khuyến khích người thân thích cung cấp đồ mặc. Trong trường hợp người bị tạm giữ, NBTG yêu cầu thì cơ sở giam, giữ cho mượn hoặc cho thuê, nếu mua thì họ phải trả chi phí¹¹.

Thứ năm, kiến nghị mở rộng quyền tiếp cận thông tin cho NBTG. Theo đó, sửa đổi, bổ sung Điều 29, Điều 31 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 ở hai nội dung: *Một là*, quy định bắt buộc cơ sở giam, giữ trang bị ti vi cho NBTG xem chương trình truyền hình. *Hai là*, không hạn chế quyền gửi hoặc nhận thư, sách, báo và tài liệu của NBTG (xóa bỏ thủ tục phải được cơ quan đang thụ lý vụ án cho phép), chỉ cần quy định cơ sở giam, giữ hoặc cơ quan chuyên môn có chức năng giám định, thẩm định, định giá khác được mở, kiểm tra, kiểm duyệt. Bồi lẽ, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin chính là bảo đảm quyền con người rất thiết thực.

Kết luận

NBTG được bảo đảm pháp lý một cách đầy đủ, rõ ràng, ngày càng tiến bộ trong các bản Hiến pháp và được cụ thể hoá toàn diện trong các văn bản luật chuyên ngành về tư pháp hình sự theo hướng tôn trọng các quyền căn bản của con người đối với NBTG và được bảo đảm thi hành trên thực tế. Tuy nhiên, ở góc độ lập pháp, các văn bản luật quy định về quyền cho NBTG vẫn còn nhiều bất cập, gây vướng mắc trên thực tế áp dụng, cần phải được bổ sung, hoàn thiện trong thời gian tới./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. VKSND tối cao, *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân các năm từ 2012 đến 2020*;
2. Nguyễn Ngọc Kiện, *Thủ tục tranh tụng tại phiên toà hình sự sơ thẩm (sách chuyên khảo)*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2017;
3. Nguyễn Ngọc Kiện (2020), *Bảo đảm quyền con người khi áp dụng BPTG theo quy định của BLTTHS Việt Nam năm 2015*, Đề tài cấp Bộ, mã số B2019-DHH-15;
4. Phạm Xuân Minh (2019), *Bảo đảm quyền con người trong áp dụng BPTG trên địa bàn tỉnh Bình Phước*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh;
5. Huỳnh Nguyễn Bảo Duy, Nguyễn Ngọc Kiện, "Vai trò của công tác tái hoà nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong hình phạt tù", *Tạp chí Công thương*, số 5/2024.

¹¹ Huỳnh Nguyễn Bảo Duy, Nguyễn Ngọc Kiện, "Vai trò của công tác tái hoà nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong hình phạt tù", *Tạp chí Công thương*, số 5/2024, tr.128-125.